

Số: 407./CSTN-TCKT

Tây Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

- Mã chứng khoán: TRC

- Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: (0276) 385 3606 – 385 3232

Fax: (0276) 385 3608

- Email: taniruco@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 405/NQ-HĐQTCSTN ngày 20/03/2024 về kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023.

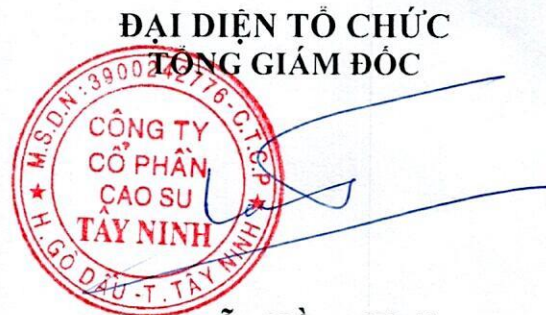
3. Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2024 tại địa chỉ: <http://www.taniruco.com>, mục **CÔNG BỐ THÔNG TIN**.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Nghị quyết số 405/NQ-HĐQTCSTN ngày 20/03/2024.

Nơi nhận:

- Sở giao dịch Chứng khoán;
- Ủy Ban Chứng khoán NN;
- Lưu: VT, P.TCKT.



Nguyễn Hồng Thái

Số: 405/NQ-HĐQTCSTN

Tây Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Công ty CPCS Tây Ninh;
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CPCS Tây Ninh;
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CPCS Tây Ninh quý IV năm 2023 ngày 19 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất các chỉ tiêu chính về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

- Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty CPCS Tây Ninh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%)
I. Chỉ tiêu khối lượng				
1. Sản lượng:	Tấn	8.600,00	10.187,80	118,46
- Khai thác	//	8.000,00	8.781,74	109,77
- Thu mua	//	600,00	1.406,06	234,34
2. Sản lượng chế biến:	Tấn	9.600,00	15.416,80	160,59
- Khai thác	//	8.000,00	8.781,73	109,77
- Thu mua	//	600,00	1.406,06	234,34
- Gia công	//	1.000,00	5.229,02	522,90
3. Sản lượng tiêu thụ:	Tấn	8.600,00	10.629,88	123,60
- Khai thác	//	8.000,00	9.223,82	115,30
- Thu mua	//	600,00	1.406,06	234,34
II. Chỉ tiêu giá trị				
1- Hiệu quả sản xuất	Tr.đồng			

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%)
- Giá thành	//	31,47	29,46	93,61
- Giá bán (KT+TM)	//	38,00	32,73	86,13
2. Tổng doanh thu:	Tr.đồng	376.658	423.612	112,95
- Cao su tự khai thác	//	304.000	302.617	99,55
- Cao su thu mua	//	22.800	45.291	198,64
- Gia công cao su	//	2.500	15.689	627,56
- Kinh doanh nhiên liệu	//	14.870	21.155	142,27
- SXKD khác	//	-	840	
- Hoạt động tài chính	//	12.194	19.386	158,98
- Hoạt động khác	//	20.294	18.634	91,82
3. Lợi nhuận trước thuế:	Tr.đồng	86.664	68.675	79,24
4. Các khoản phải nộp ngân sách:	Tr.đồng	54.897	45.154	82,25
5. Lợi nhuận sau thuế:	Tr.đồng	75.562	61.844	81,85

- Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023
Doanh thu thuần hợp nhất	Tr.đồng	601.045
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp nhất	Tr.đồng	58.456
Lợi nhuận khác hợp nhất	Tr.đồng	15.967
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đồng	74.423
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tr.đồng	67.591

Điều 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban kiểm soát;
- Người CBTT;
- Lưu: VT, T.ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KT. CHỦ TỊCH
THÀNH VIÊN



Võ Trần Minh Đăng